

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09/01/2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Phan Văn Đạt

+ Bà Bùi Thị Hoanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang – Thẩm tra viên Tòa án Đ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2017/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 10 năm 2017, về tranh chấp ly hôn, nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2017/QĐXX-ST ngày 05 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1992; trú tại: Thôn T, xã A, huyện Đ, Quảng Nam. Có mặt tại phiên tòa.;

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1992, trú tại: Thôn Đ, xã C, huyện Đ, Quảng Nam. Vắng mặt tại phiên tòa (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2017, trong các lời khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh S trình bày:

Vào năm 2014, anh và chị Nguyễn Thị D tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, có con chung trước khi tổ chức lễ cưới và sau khi cưới thì đăng ký kết hôn tại UBND xã A (huyện Đ, tỉnh Quảng Nam) vào ngày 27/10/2014. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống khoảng hơn một tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau nên thường xuyên cãi vã, vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2014 cho đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Thùy L, sinh ngày 16/9/2014, hiện đang sống với chị D. Chị D yêu cầu được nuôi con, anh đồng ý giao con cho chị D nuôi.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

*** Tại bản tự khai ngày 27/10/2017 và các lần hòa giải, bị đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:**

Chị và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A vào ngày 27/10/2014. Theo chị, vợ chồng không có mâu

thuần gì trầm trọng, anh S bỏ đi với người phụ nữ khác và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con như anh S đã khai, hiện đang sống với chị D. Nếu vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

* Ý kiến của Kiểm sát viên: Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, thời hạn gửi Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn chậm so với quy định của pháp luật.

Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn đã hai lần triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do chính đáng, do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Anh S và chị D kết hôn đúng quy định pháp luật, nhưng tình trạng hôn nhân của vợ chồng hiện nay không thể hàn gắn được, do không hợp tính, sống ly thân đã lâu, đủ căn cứ để cho vợ chồng anh S và chị D ly hôn. Về con chung, cần công nhận ý kiến thống nhất của hai vợ chồng là giao con cho chị D nuôi. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu hiện có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về sự vắng mặt của chị Nguyễn Thị D:* Chị Nguyễn Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa (lần 1) ngày 22/12/2017 nhưng chị D vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để xét xử lại (lần 2) vào ngày 09/01/2018. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, chị D tiếp tục vắng mặt không có lý do chính đáng, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa cho chị. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS .

[2] *Về quan hệ vợ chồng:* Anh Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị D tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 70, ngày 27/10/2014 của UBND xã A. Do đó, quan hệ hôn nhân của anh S và chị D là hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân của anh S và chị D: Sau ngày cưới vợ chồng chung sống một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau nên đã sống ly thân từ cuối năm 2014 đến nay, không quan tâm đến nhau. Mặc dù Tòa án đã kiên trì hoà giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh S kiên quyết xin được ly hôn, chị D xin đoàn tụ vì cho rằng anh S bỏ chị đi theo người phụ nữ khác, nhưng chị không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời khai của chị. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của anh S và chị D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của anh S, cho anh S và chị D ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]- *Về quan hệ con chung:* Chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh Sang cấp dưỡng nuôi con chung. Anh S thống nhất giao con cho chị D nuôi.

Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của các bên là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên chấp nhận: Chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thùy L (sinh ngày 16/9/2014) cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Chị D không yêu cầu anh Sang cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không có cơ sở để xem xét. Tuy nhiên, chị D có quyền khởi kiện yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung bằng một vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu gửi đến Tòa án.

[4]*Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Vợ chồng thống nhất khai không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28 BLTTDS; các Điều: 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh S.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị D.

2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thùy L (sinh ngày 16/9/2014) cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Chị D có quyền khởi kiện yêu cầu anh Sang cấp dưỡng nuôi con chung bằng một vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu gửi đến Tòa án.

Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Khi có lý do chính đáng, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

3. Về án phí: Án phí HNGĐ sơ thẩm **300.000 (Ba trăm ngàn)** đồng anh Nguyễn Thanh S phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh S đã nộp theo biên lai thu số 10782 ngày 17/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Sang có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND T. Quảng Nam;
- VKSND H.Đ;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Chi cục THADAS H. Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Phú

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

